

Số: 22 /QĐ- UBND

Tây Sơn, ngày 02 tháng 02 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công khai số liệu dự toán thu - chi ngân sách năm 2021**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ TRẤN TÂY SƠN**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ nghị định 163/2016/NĐ – CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà Nước;

Căn cứ thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của bộ tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp Ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của chính phủ quy định chi tiết thi hành 1 số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ thông tư số: 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của bộ tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ nghị quyết số: 19/2020/NQ-HĐND ngày 25/12/2020 của HĐND thị trấn Tây Sơn về việc phê chuẩn dự toán thu, chi ngân sách năm 2021 cho thị trấn Tây Sơn.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Công bố công khai số liệu dự toán thực hiện thu – chi ngân sách năm 2021 cụ thể như sau:

Tổng thu ngân sách: 4.993.000.000 đồng

Tổng chi ngân sách: 4.993.000.000 đồng

( Có biểu kê chi tiết kèm theo)

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3:** Văn phòng UBND thị trấn, bộ phận Tài chính - ngân sách tổ chức thực hiện. quyết định này.

**Nơi nhận:**

- UBND huyện;
- Phòng TC huyện;
- Đảng ủy, HĐND xã;
- Các đoàn thể xã;
- Tổ trưởng 6 tổ dân phố;
- Lưu: Vp, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Trần Văn Thắng**



**BIÊN BẢN**

**Niên yết công khai số liệu dự toán thu - chi ngân sách năm 2021**

- I. Thời gian:** vào hồi 14h ngày 04 tháng 02 năm 2021
- II. Địa điểm:** Tại Trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn Tây Sơn
- III. Thành phần:** Gồm toàn thể cán bộ, công chức Ủy ban nhân dân, 6 tổ trưởng tổ dân phố trên địa bàn thị trấn.
- IV. Nội dung:**
1. Ông Trần Văn Thắng - Chủ tịch UBND thông qua Biên bản công khai theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;
  2. Thông báo các nội dung công khai  
Công khai số liệu dự toán thu - chi ngân sách năm 2021
  3. Hình thức công khai
    - Thông báo trước Cán bộ, công chức, 6 tổ trưởng tổ dân phố trên địa bàn thị trấn, trên trang thông tin điện tử của thị trấn.
  4. Địa điểm, thời gian niêm yết
    - Niêm yết tại Trụ sở ủy ban nhân dân thị trấn Tây Sơn.
    - Thời gian niêm yết: từ ngày 04/02/2021 đến ngày 04/03/2021
  5. Yêu cầu: Cán bộ, công chức, 6 tổ trưởng tổ dân phố trên địa bàn thị trấn.  
Xem bảng niêm yết các nội dung công khai tài chính nếu có điều gì thắc mắc phản ánh về Ban thanh tra nhân dân thị trấn hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn.  
Biên bản thông qua trước cán bộ, công chức, 6 tổ trưởng tổ dân phố trên địa bàn thị trấn vào hồi 17h cùng ngày và được các thành viên nhất trí 100%.

Thư ký



Nguyễn Thị Thanh Tâm

Chủ tịch



Trần Văn Thắng





# CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
<b>TỔNG SỐ THU</b>	<b>4.993.000.000</b>	<b>TỔNG SỐ CHI</b>	<b>4.993.000.000</b>
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	192.000.000	I. Chi đầu tư phát triển	
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	290.000.000	II. Chi thường xuyên	4.880.000.000
III. Thu bổ sung	4.511.000.000	III. Dự phòng	113.000.000
- Bổ sung cân đối ngân sách	4.511.000.000		
- Bổ sung có mục tiêu			
IV. Thu chuyển nguồn			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.





Biểu số 109/CK TC - NSNN

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021**

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2
	<b>Tổng số thu</b>	<b>5.250.000.000</b>	<b>4.993.000.000</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản thu 100%</b>	<b>192.000.000</b>	<b>192.000.000</b>
1	Phí, lệ phí	167.000.000	167.000.000
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định		
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		
8	Thu khác	25.000.000	25.000.000
<b>II</b>	<b>Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	<b>547.000.000</b>	<b>290.000.000</b>
1	Các khoản thu phân chia	75.000.000	75.000.000
11	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	15.000.000	15.000.000
12	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		
13	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		
14	Lệ phí trước bạ nhà, đất	60.000.000	60.000.000
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	472.000.000	215.000.000
21	Thu tiền sử dụng đất		
22	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước		
23	Thuế tài nguyên		
24	Thuế giá trị gia tăng	472.000.000	215.000.000
25	Thuế thu nhập doanh nghiệp	230.000.000	
26	Thuế thu nhập cá nhân	242.000.001	
27	Thuế tiêu thụ đặc biệt		
<b>III</b>	<b>Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)</b>		
<b>IV</b>	<b>Thu chuyên nguồn</b>		
<b>V</b>	<b>Thu kết dư ngân sách năm trước</b>		
<b>VI</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>4.511.000.000</b>	<b>4.511.000.000</b>
1	Thu bổ sung cân đối	4.511.000.000	4.511.000.000
2	Thu bổ sung có mục tiêu		





# DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1=2+3	2	3
	<b>TỔNG CHI</b>	<b>4.993.000.000</b>		<b>4.993.000.000</b>
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục	20.000.000		20.000.000
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ			
3	Chi y tế	16.500.000		16.500.000
4	Chi văn hóa, thông tin	70.000.000		70.000.000
5	Chi phát thanh, truyền thanh			
6	Chi thể dục, thể thao	80.000.000		80.000.000
7	Chi bảo vệ môi trường	48.000.000		48.000.000
8	Chi các hoạt động kinh tế	702.500.000		702.500.000
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	3.895.500.000		3.895.500.000
10	Chi cho công tác xã hội	47.500.000		47.500.000
11	Chi khác			
12	Dự phòng	113.000.000		113.000.000